TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK SONG** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2023/DS-ST.
Ngày: 28-8-2023.
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Thu Uyển và ông Nguyễn Bá Tuyên.

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Nhàn, là Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đăk Nông tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 18/2023/TLST-DS ngày 08 tháng 02 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2023/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 72a/2023/QĐST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng A.

Địa chỉ: Trần K, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn C – Người đứng đầu Chi nhánh Đăk Nông – Văn bản ủy quyền số 963/QĐ-BIDV ngày 25-10-2021.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Nguyễn Thị Bích P – Giám đốc Phòng Giao dịch Đắk Song - Văn bản ủy quyền số 182G/QĐ-BIDV.ĐNO ngày 16-02-2022 – Có mặt.

Bị đơn: Ông Hà Văn L, sinh năm 1987 và bà Dương Thị V, sinh năm 1995 – Đều vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn K, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Ngày 03-12-2019, ông Hà Văn L và bà Dương Thị V ký kết Hợp đồng tín dụng số 01/2019/9480494/HĐTD vay Ngân hàng A (Chi nhánh Đắk Nông – Phòng Giao dịch Đắk Song) số tiền 300.000.000 đồng; Thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 11%/năm, trả lãi 06 tháng/lần; Lãi quá hạn bằng 150% lãi vay trong hạn; Mục đích vay để tái canh cây cà phê, tiêu; Đã giải ngân ngày 03-12-2019.

Lãi suất được điều chỉnh vào ngày đầu tiên hàng quý (01/01, 01/04, 01/07, 01/10); Tuy nhiên Ngân hàng chỉ điều chỉnh duy nhất một lần vào ngày 01-4-2020, với mức 10,25%/năm cho tới hiện tại.

Ông L, bà V được ân hạn theo hợp đồng, tức là lẽ ra phải trả nợ gốc vào ngày 03-6-2020, nhưng do được ân hạn 02 năm nên ông L, bà V chỉ phải trả nợ gốc kỳ đầu vào ngày 03-6-2022.

Nợ gốc thỏa thuận trả định kỳ 06 tháng/lần, cụ thể:

Kỳ 1 trả 10.000.000 đồng vào ngày 03-6-2022;

Kỳ 2 trả 40.000.000 đồng vào ngày 03-12-2022;

Kỳ 3 trả 10.000.000 đồng vào ngày 03-6-2023;

Kỳ 4 trả 90.000.000 đồng vào ngày 03-12-2023;

Kỳ 5 trả 10.000.000 đồng vào ngày 03-6-2024;

Kỳ 6 trả 140.000.000 đồng vào ngày 03-12-2024;

Lãi thỏa thuận trả 06 tháng/lần, thu tự động từ tài khoản 63510000574052 vào ngày 03 của tháng thuộc kỳ trả nợ kể từ sau thời gian ân hạn, ngày bắt đầu thu lãi là ngày 03-12-2021 (đã thu lãi 01 lần vào ngày 27-12-2021 số tiền 62.323.972 đồng, sau đó khách hàng không nộp tiền vào tài khoản để thu lãi nữa).

Phương thức trả nợ: Trích nợ tài khoản số 63510000574052 của khách hàng mở tại Ngân hàng A và các tài khoản khác thuộc sở hữu của bên vay mở tại Ngân hàng. (khách hàng chưa nộp tiền vào tài khoản nên chưa thu nợ gốc được kỳ nào).

Khi ông L, bà V vi phạm thời hạn trả nợ, Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, vào nhà để yêu cầu trả nợ nhưng ông L, bà V không có nguồn thu để trả và không có thiện chí trả nợ. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông L, bà V trả số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng, lãi đến ngày xét xử sơ thẩm là 55.573.254 đồng và lãi suất tính từ sau ngày xét xử sơ thẩm đến khi trả nợ xong.

Để đảm bảo khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/2019/9480494/HĐTD, ông L, bà V thế chấp cho Ngân hàng 01 quyền sử dụng đất, là thửa số 47, tờ bản đồ 156, đất tọa lạc tại thôn K, xã N, huyện Đ, diện tích 7.837m^2; đất đứng tên ông Hà Văn L và bà Dương Thị V, được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng số BX 7865XX ngày 11-5-2015 cùng toàn bộ tài sản gắn liền trên đất. Nay do ông L, bà V không trả được nợ, vi phạm thỏa thuận theo Hợp đồng, Ngân hàng yêu cầu Tòa án tuyên Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên tài sản đảm bảo để thu hồi nợ; trường hợp tài sản

đảm bảo không đủ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự kê biên các tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông L, bà V để thu hồi nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn không có mặt để làm việc. Vì vậy không có trình bày.

Tại phiên tòa: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Bích P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Trình bày từ giữa cuối năm 2022, Ngân hàng đã không liên lạc được với ông L, bà V do bà V không còn ở địa phương, còn ông L nhiều lần vào nhà không gặp. Ông L, bà V chưa trả được kỳ nợ gốc nào cho Ngân hàng và vi phạm thời hạn trả lãi. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Dương Thị V và ông Hà Văn L đã được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng không có mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông Hà Văn L và bà Dương Thị V.

Về việc giải quyết vụ án: Do ông Hà Văn L và bà Dương Thị V vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, tuyên buộc ông Hà Văn L và bà Dương Thị V phải trả 300.000.000 đồng nợ gốc; lãi suất tính tới ngày xét xử sơ thẩm và lãi suất cho đến khi trả nợ xong cho Ngân hàng A. Trường hợp không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ, Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp hai bên đã ký kết. Trường hợp tài sản đảm bảo không đủ trả nợ thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự kê biên các tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông L, bà V để thu hồi nợ.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ đương sự cung cấp, Tòa án thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Hà Văn L và bà Dương Thị V có địa chỉ tại thôn K, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; Hợp đồng được ký kết và thực hiện tại huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song theo

quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc vắng mặt của bị đơn: Sau khi triệu tập nhiều lần ông Hà Văn L và bà Dương Thị V, là bị đơn không có mặt làm việc, Tòa án đã tiến hành xác minh tại Công an xã N, kết quả xác định bà V có đăng ký thường trú tại thôn K, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nhưng không có mặt tại địa phương từ cuối năm 2022, đi đâu, làm gì không rõ. Bà V không thông báo cho Ngân hàng A, là bên có quyền biết địa chỉ nơi cư trú mới. Tòa án nhân dân huyện Đắk Song căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05-5-2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, tiến hành thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng đối với bà V theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với ông Hà Văn L đang ở địa phương, Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt làm việc. Ông L và bà V vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà V, ông L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của của Ngân hàng A, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét hợp đồng tín dụng:

Ngày 03-12-2019, ông Hà Văn L và bà Dương Thị V ký kết Hợp đồng tín dụng số 01/2019/9480494/HĐTD vay Ngân hàng A (Chi nhánh Đắk Nông – Phòng Giao dịch Đắk Song) số tiền 300.000.000 đồng; Thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 11%/năm, trả lãi 06 tháng/lần; Lãi quá hạn bằng 150% lãi vay trong hạn; Mục đích vay để tái canh cây cà phê, tiêu; Giải ngân ngày 03-12-2019. Lãi suất thỏa thuận được điều chỉnh vào ngày đầu tiên hàng quý (01/01, 01/04, 01/07, 01/10) nhưng chỉ điều chỉnh một lần vào ngày 01-4-2020, với mức 10,25%/năm cho tới hiện tại.

Ông L, bà V được ân hạn 02 năm nên chỉ phải trả nợ gốc kỳ đầu vào ngày 03-6-2022.

Các kỳ trả nợ gốc cụ thể: Kỳ 1 trả 10.000.000 đồng vào ngày 03-6-2022; Kỳ 2 trả 40.000.000 đồng vào ngày 03-12-2022; Kỳ 3 trả 10.000.000 đồng vào ngày 03-6-2023; Kỳ 4 trả 90.000.000 đồng vào ngày 03-12-2023; Kỳ 5 trả 10.000.000 đồng vào ngày 03-6-2024 và Kỳ 6 trả 140.000.000 đồng vào ngày 03-12-2024. Ông L, bà V chưa trả kỳ nợ gốc nào cho Ngân hàng.

Lãi bắt đầu phải trả vào 03-12-2021, ông L, bà V đã trả 01 lần ngày 27-12-2021 số tiền 62.323.972 đồng, đến hiện tại chưa trả thêm tiền lãi.

Như vậy, hợp đồng tín dụng hai bên ký kết có nội dung, hình thức phù hợp và đã phát sinh hiệu lực thi hành theo quy định tại các Điều 398, 401, 463 và 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng. Do ông L, bà V vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của Ngân hàng A. Căn cứ các Điều 357, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng, cần buộc ông L, bà V phải trả nợ gốc, lãi

cho Ngân hàng A theo thỏa thuận giữa hai bên tại Hợp đồng tín dụng số 01/2019/9480494/HĐTD ngày 03-12-2019, cụ thể:

Nợ gốc: 300.000.000 đồng.

Lãi trên nợ gốc và lãi trên nợ gốc quá hạn đến ngày 28-8-2023: 55.573.254 đồng.

Tổng số tiền ông L, bà V phải trả cho Ngân hàng A tính đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 28-8-2023 là 355.573.254đ (*Ba trăm năm mươi lăm triệu năm trăm bảy mươi ba nghìn hai trăm năm mươi bốn đồng*).

Xét Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/9480494/HĐTC ngày 27-02-2017 giữa bên thế chấp là ông Hà Văn L, bà Dương Thị V và bên nhận thế chấp là Ngân hàng A: Hợp đồng có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại các Điều 317, 318, 319 của Bộ luật Dân sự; đã được công chứng ngày 01-3-2017; đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Đắk Song ngày 01-3-2017 theo quy định tại Điều 298 của Bộ luật Dân sự, khoản 3 Điều 167 của Luật Đất đai. Đây là hợp đồng hợp pháp và đã phát sinh hiệu lực theo quy định tại Điều 401 của Bộ luật Dân sự. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số C, tờ bản đồ D, đất tọa lạc tại thôn K, xã N, huyện Đ, diện tích 7.837m^2; đứng tên ông Hà Văn L và bà Dương Thị V, được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng số BX 7865XX ngày 11-5-2015 cùng toàn bộ tài sản gắn liền trên đất.

Kết quả xem xét thẩm định trên đất có 01 căn nhà xây cấp 4, diện tích khoảng 50m^2; có trồng tiêu. Nhà, đất và tài sản gắn liền trên đất đang do ông Hà Văn L quản lý, sử dụng. Do ông L, bà V vi phạm nghĩa vụ trả nợ, căn cứ Điều 299 của Bộ luật Dân sự, Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp số 01/2017/9480494/HĐTC ngày 27-02-2017 để thu hồi nợ. Trường hợp sau khi xử lý tài sản đảm bảo vẫn không trả được hết nợ, ông L, bà V vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết khoản nợ đã vay, lãi cho Ngân hàng A và Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự kê biên các tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông L, bà V để thu hồi nợ.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A được chấp nhận nên ông Hà Văn L và bà Dương Thị V phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A được chấp nhận nên ông Hà Văn L và bà Dương Thị V phải chịu số tiền 2.000.000 đồng theo quy định tại Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 157, điểm e khoản 1 Điều 192, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số

04/2017/NQ-HĐTP ngày 05-5-2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; các Điều 298, 299, 317, 318, 319, 357, 401, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; khoản 3 Điều 167 của Luật Đất đai; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A.

Buộc ông Hà Văn L và bà Dương Thị V phải trả cho Ngân hàng A số tiền 355.573.254đ (*Ba trăm năm mươi lăm triệu năm trăm bảy mươi ba nghìn hai trăm năm mươi bốn đồng*) tính tới ngày xét xử sơ thẩm, ngày 28-8-2023. Trong đó nợ gốc là 300.000.000 đồng và lãi suất là 55.573.254 đồng. Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, ông L, bà V vẫn phải tiếp tục chịu lãi suất theo Hợp đồng tín dụng số 01/2019/9480494/HĐTD, ngày 03-12-2019 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Trường hợp ông Hà Văn L và bà Dương Thị V không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản đảm bảo là quyền sử dụng thửa đất số C, tờ bản đồ D, diện tích 7.837m^2; đất tọa lạc tại thôn K, xã N, huyện Đ; đứng tên người sử dụng ông Hà Văn L và bà Dương Thị V; được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng số BX 7865XX ngày 11-5-2015 cùng toàn bộ tài sản gắn liền trên đất theo Hợp đồng thế chấp số 01/2017/9480494/HĐTC ngày 27-02-2017 để thu hồi nợ. Trường hợp sau khi xử lý tài sản đảm bảo không trả được hết nợ, ông L, bà V vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng A và Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên các tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông L, bà V để thu hồi nợ.

2. Về án phí:

Ông Hà Văn L và bà Dương Thị V phải nộp 17.778.662đ (*Mười bảy triệu bảy trăm bảy mươi tám nghìn sáu trăm sáu mươi hai đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng A 7.945.000đ (*Bảy triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001868 ngày 07 tháng 02 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

3. Về chi phí xem xét thẩm định: Ông Hà Văn L và bà Dương Thị V phải chịu số tiền 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*). Do Ngân hàng A đã nộp tạm ứng nên ông Hà Văn L và bà Dương Thị V phải trả 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) cho Ngân hàng A.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đắk Song;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký và đóng dấu

Lê Thị Thu Hà